

Bản án số: 58/2022/HSPT

Ngày 11 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLPT-HS ngày 24/01/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh + 20 bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2021/HSST ngày 16, 17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Đoàn Tú Kh (Kh Bê đề); Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: A đường A2, thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông Nguyễn Văn N, con bà Đoàn Thị Như N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 04. Ngày 20/01/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự (Bản án số 20/HSST).

Ngày 27/5/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 07 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 141/HSPT). Cộng với 09 tháng tù tại Bản án số 20, bị cáo phải chấp hành hình

phạt chung của cả hai bản án là 07 năm 09 tháng tù. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Ngày 20/4/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 135/HSST). Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Ngày 12/9/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù, về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 257 Bộ luật hình sự (Bản án số 66/HSST). Tổng hợp với hình phạt 06 năm 04 tháng 10 ngày tù mà bị cáo còn phải chấp hành của Bản án số 135/2009/HSST ngày 20/4/2009 và Bản án số 141/2009/HSPT ngày 27/5/2009, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 04 tháng 10 ngày tù. Ngày 17/02/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2020 đến ngày 24/4/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Thái Phi Tr (Tr Bê); Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Ama, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Thái Hữu P (đã chết) và con bà Trần Thị Minh H; Vợ là Công Huyền Tôn Nữ Bảo L, có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/02/2013 bị Công an tỉnh Thừa Thiên - Huế ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Ngày 08/02/2013 bị cáo đã nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2020 đến ngày 22/10/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Đoàn Huy D (Tèo); Sinh ngày 21 tháng 7 năm 2001, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Lê Hồng P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đoàn Huy T và con bà Đỗ Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/12/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 383/2017/HSPT). Ngày 08/4/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại Bản án số 383, bị cáo 15 năm 03 tháng 28 ngày tuổi nên được coi là không có án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 08/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Đình T (T Mát); Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1995, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: S, thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Đình T và con bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Ngày 18/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự (Bản án số 90). Ngày 10/02/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 02/7/2013 bị Công an xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt ngày 01/8/2013.

Ngày 12/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự (Bản án số 27). Bị cáo chưa chấp hành án.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Trương Văn H (Lùn); Sinh ngày 21 tháng 8 năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tây S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trương Văn L và con bà Hoàng Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Ngày 01/8/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (Bản án số 241/2018/HSPT). Ngày 05/5/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 25/3/2011 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự (Bản án số 83/2011/HSST). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Ngày 18/5/2019 bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, hình thức Cảnh cáo.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/7/2020 đến ngày 08/02/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Huỳnh Đình A (Cá Lóc); Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Huỳnh C và con bà Võ Thị T; Vợ là Nguyễn Thị N; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 311/2013/HSST). Ngày 08/01/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại bản án số 311, bị cáo 17 năm 05 tháng 13 ngày tuổi nên không được coi là có án tích.

Ngày 30/9/2015 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 312/2015/HSST). Ngày 06/9/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/7/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

7. Nguyễn Thế H1 (Cò); Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1997. tại tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Bùi Thị X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phạm Văn Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Con ông Nguyễn Thế S và con bà Phạm Thị Đào N; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01. Ngày 18/12/2017 bị Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự (Bản án số 52/2017/HSST). Ngày 28/8/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt

8. Nguyễn Cao T (Rúp); Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Nguyễn Cư T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01. Ngày 31/01/2018 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (Bản án số 28/2018/HSST). Ngày 28/8/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/9/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

9. Nguyễn Thành L (L Nhóc); Sinh ngày 29 tháng 12 năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Đinh N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Văn Lâm và con bà Mai Thị P; Vợ là Vũ Thị Kim H (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/11/2013 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 304/2013/HSST). Ngày 23/8/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại bản án số 304, bị cáo 17 năm 05 tháng 05 ngày tuổi nên được coi là không có án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/7/2020 đến ngày 29/10/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

10. Phạm Văn T2 (Đen); Sinh ngày 11 tháng 02 năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Phạm Hồng T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Con ông Phạm Văn L và con bà Hồ Thị Á (Đều đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/12/2017 bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau”, hình thức phạt tiền 750.000 đồng. Bị cáo chưa nộp phạt nhưng hết thời hiệu thi hành quyết định.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có đơn xét xử vắng mặt.

11. Trần Gia H2 (Hy); Sinh ngày 11 tháng 01 năm 2001, tại tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: A Hồ Tùng M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trần Văn H (chết) và con bà Lý Đỗ Quỳnh N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

12. Phan Thanh T3 (Ben); Sinh ngày 20 tháng 02 năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Hẻm Ama K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phan Thanh T và con bà Tống Thị Mỹ H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Ngày 06/3/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự (Bản án số 50). Ngày 17/6/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 14/11/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 421). Ngày 24/6/2015 chấp hành xong án phạt tù. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại bản án số 421, bị cáo 16 năm 07 tháng 12 ngày tuổi nên không được coi là có án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Đào Bá P (Cháy); Sinh ngày 14 tháng 01 năm 2004, tại tỉnh Đắk Lắk (Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 năm 05 tháng 14 ngày tuổi); Nơi cư trú: Nguyễn Công T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Đào N (đã chết) và con bà Trần Thị Diễm M; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 11/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy nên bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 09/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt

14. Vũ Thanh M (Bin Heo); Sinh ngày 07 tháng 5 năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Quang T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Vũ Trọng S (đã chết) và con bà Lê Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản Điều 133 Bộ luật hình sự (Bản án số 182). Ngày 22/12/2009 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Ngày 02/3/2012 bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, hình thức phạt tiền 500.000 đồng. Ngày 20/3/2012 bị cáo đã nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

15. Lê Long A1 (Sô Em); Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Xô Viết Nghệ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê S và con bà Huỳnh Thị M; Vợ là Đỗ Thị M (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02. Ngày 07/3/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 43). Ngày 10/01/2016 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Ngày 31/01/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (Bản án số 28). Ngày 18/01/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 24/6/2009 bị Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản”, thời hạn 24 tháng. Ngày 25/4/2011 bị cáo đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có đơn xét xử vắng mặt.

16. Trần Ngọc Thiên P1 (Cuội); Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1987, tại tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: B Phan Đình P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Con ông Trần Ngọc Q (đã chết) và con bà Vũ Thị Yên N; Vợ là Vũ Thị Đ, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/01/2011 bị Công an phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình phạt tiền 750.000 đồng. Ngày 28/01/2011 bị cáo đã nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

17. Nguyễn Duy K (Tuấn); Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: A Nguyễn Văn C, tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Đình C và con bà Đào Thị Thanh Q; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/7/2021 đến ngày 03/11/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

18. Salem Niê S; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Ama J, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Y Yăng Ê và con bà H'băn Niê S; Vợ là Nay H'N, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02. Ngày 08/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 71). Ngày 15/3/2015 bị cáo chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Ngày 30/6/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 202). Ngày 01/6/2016 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 27/10/2005 bị Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định số 2795 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Cố ý gây thương tích, thời hạn 12 tháng. Ngày 01/11/2006 bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 12/5/2009 bị Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định số 1199 về việc đưa đối tượng vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng. Ngày 31/01/2011 bị cáo đã chấp hành xong.

Ngày 09/12/2011 bị Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định số 7394 về việc đưa đối tượng vào Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Đắk Lắk về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng. Ngày 04/10/2013 bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/7/2020 đến ngày 22/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

19. Nguyễn Văn T4 (Đầu Bự); Sinh năm 1989, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Liên gia A, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Ngọc M (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T; Vợ Nguyễn Thị Thanh T, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: 01. Ngày 11/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 269). Ngày 11/3/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 01. Ngày 23/4/2019 bị Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột ra Quyết định số 63 về việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 03/6/2020 bị cáo đã chấp hành xong, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Nhân thân: Ngày 24/9/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 294). Ngày 13/3/2009 chấp hành xong án phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/6/2020 đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

20. Y Kanh B (Y Can, Y Kênh); Sinh ngày 04 tháng 4 năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Ama, buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Y Mika N và con bà H’Wen B; Vợ là chị Võ Thị Mỹ U; bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/6/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số 171).

Ngày 07/3/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138. Tổng hợp hình phạt hai bản án là 04 năm 09 tháng tù. Ngày 10/01/2017 bị cáo chấp hành xong án phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

21. Lê Võ Minh H3; Sinh ngày 03 tháng 6 năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Hoàng D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn T và con bà Võ Thị Mỹ H; Vợ là Phạm Thị Thúy N, có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (Bản án số 348). Ngày 20/4/2018 bị cáo chấp hành xong án phạt tù. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại bản án 348, bị cáo 17 năm 04 tháng 18 ngày tuổi nên được coi là không có án tích.

Ngày 28/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự (Bản án số 422). Bị cáo chưa chấp hành xong án.

Ngày 24/5/2016 bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, hình thức phạt tiền 1.750.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đào Bá P:** Bà Đào Thị Ly H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nguyễn Công T, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đào Bá P:** Bà Hoàng Thị T - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Địa chỉ: Lý Thường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Phan Thế V, Lê Hoàng A, Võ Đức N, Nguyễn Văn T, Phạm D, Nguyễn Hữu A, Hoàng Công S, Phạm Bảo H, Trần Việt A nhưng không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hoàng Thị Mai C quen biết Nguyễn Đoàn Tú Kh, kể cho Kh nghe chị C nợ tiền chị Lê Thị H, hiện chị H đang nhờ Thái Phi Tr đòi nợ tiền của chị C. Kh nhận quen biết Tr nên nói chị C để Kh nói chuyện với Tr. Khoảng 16 giờ ngày 27/6/2020, Kh rủ Nguyễn Thành L đi đến nhà Tr để nói chuyện, hai bên xảy ra mâu thuẫn rồi thách thức nhau sẽ tập trung người vào chiều ngày 28/6/2020 để giải quyết mâu thuẫn. Kh mượn nhà kho của Trần Ngọc Thiên P1 để tập trung người, bàn bạc chuẩn bị công cụ, hung khí, dao rựa, bom xăng, khẩu trang và bao tay để đi đánh nhau với nhóm của Thái Phi Tr. Kh gọi điện thoại cho Nguyễn Thành L, Nguyễn Thế H1, Lê Long A1 và Phạm Văn T2 rủ đi đánh nhau và nói họ gọi thêm người để đi đánh nhau với nhóm của Tr. Kh phân công nhiệm vụ cho Nguyễn Thế H1 đi thuê 01 xe ô tô để chở hung khí dao rựa, đưa cho 01 nam thanh niên 1.000.000 đồng mua được khoảng 30 con dao rựa. P1 đưa khẩu trang y tế phát cho từng người để đeo, che biển số xe và một người trong nhóm của Kh (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi mua bao tay y tế về đưa cho Phạm D phát cho mọi người đeo vào, tránh nhằm người khi hai nhóm đánh nhau gây rối.

Về phía Thái Phi Tr nhờ Nguyễn C nói chuyện giải hòa với Kh nhưng không được nên Tr nói với Nguyễn Duy K, Phạm Bảo H, Lê Võ Minh H3 và 06 nam thanh niên khác đánh nhau với nhóm của Kh. Tr nhờ Lê Võ Minh H3, Phạm Bảo H đi mua 01 hộp bao tay và 01 hộp khẩu trang đeo để tránh nhằm người khi đánh nhau với nhóm của Kh. Tr dùng 1.000.000 đồng để mua 10 cây dao rựa, 05 lít xăng, khăn vải và 03 gram đinh bằng kim loại rồi đổ xăng, đinh vào bên trong 20 chai thủy tinh, nhét khăn vải trên cổ chai để làm hung khí đánh nhau với nhóm Nguyễn Đoàn Tú Kh.

Đến khoảng 17 giờ ngày 28/6/2020, Nguyễn Đoàn Tú Kh, Nguyễn Thành L, Phạm Văn T2, Lê Long A1, Vũ Thanh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu A, Phan Thanh T3, Đào Bá P, Lê Hoàng A, Trần Gia H2, Đoàn Huy D, Phan Thế V, Lê Đình T, Huỳnh Đình A, Trương Văn H, Võ Đức N, Nguyễn Cao T1, Phạm D, Nguyễn Duy B, Y Khanh B, Nguyễn Vũ Minh N và khoảng 25 đến 30 nam thanh niên (Chưa rõ nhân thân lai lịch) đi xe mô tô (Chưa rõ biển số và đặc điểm xe) mang theo dao rựa, Nguyễn Thế H1 điều khiển xe ô tô biển số 47C-228.75 đến tập trung tại nhà kho của P1. Kh nói to với cả nhóm “Anh cảm ơn anh em đã xuống đây giúp anh, tí đi theo anh lên đường Ama Khê đánh nhóm thằng Tr, khi nào anh

kêu đánh thì xông lên đánh và khi nào anh kêu rút thì mới rút”. Kh gọi điện thoại cho Tr báo trước sẽ đến đánh Tr. Sau đó nhóm của Kh mang theo dao rựa điều khiển khoảng 15 đến 20 chiếc xe mô tô đi từ đường Phạm Ngũ L - Nguyễn Thị Minh K - Phan Chu T - Trần Hưng Đ - Ngô Q - Trần Nhật D - Nguyễn Tất T, vượt đèn đỏ đi đến đường A, thành phố B. Khi nhóm của Nguyễn Đoàn Tú Kh đi đến số nhà 158 A thì thấy nhóm của Thái Phi Tr trên tay cầm dao rựa, chai thủy tinh chứa xăng và đứng ở khu vực ngã ba đường A - Ama. Thấy vậy Kh hô lên “Xông lên anh em”, nghe Kh hô vậy, Nguyễn Hữu A, Y Kanh và một số người trong nhóm ở lại trông xe, đầu xe hướng về đường Nguyễn Tất T để nhanh chóng tẩu thoát và dàn hàng ngang ngăn cản các phương tiện giao thông khác không cho đi lại, các bị can còn lại cầm dao rựa trên tay rượt đuổi đánh nhóm Tr thì nhóm Tr dùng gạch, đá, chai thủy tinh chứa xăng và đinh ném về phía nhóm Kh, gây tiếng nổ lớn. Bị nhóm Tr dùng gạch, đá, chai thủy tinh chứa xăng và đinh ném, Kh cùng đồng bọn cầm dao rựa, gạch đá ném lại và hô hào rượt đuổi nhóm Tr chạy vào trong khu vực đường Ama. Tr chạy vào nhà lấy một khẩu súng bắn đạn pháo bằng kim loại đi ra cùng đồng bọn sử dụng gạch đá, chai thủy tinh chứa xăng, đinh ném và dùng ná cao su bắn rượt đuổi lại nhóm Kh chạy ra đường A, thành phố B, Tr sử dụng khẩu súng trên bắn nhiều phát về phía nhóm Kh nhưng không biết có trúng ai không và Kh cùng đồng bọn sử dụng gạch đá ném lại nhóm Tr gây ồn ào khu vực dân cư xung quanh, làm cản trở ách tắc giao thông không qua được khu vực này và những người dân xung quanh khu vực này không dám ra khỏi nhà, gây mất trật tự xã hội tại địa bàn khu vực đường A, phường T, thành phố B. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi lực lượng Công an đến thì cả hai nhóm bỏ chạy tẩu thoát khỏi hiện trường.

Khoảng 13 giờ ngày 17/11/2020 Đào Bá P mua của Trần Duy H 01 gói ma túy cần sa với giá 1.000.000 đồng, mục đích vừa sử dụng vừa bán lại cho người khác để kiếm lời. P mang gói cần sa về nhà chia thành 06 gói nhỏ để bán cho người khác. Khoảng 19 giờ cùng ngày, P và Trần Việt A2 rủ nhau đi uống cà phê tại quán Mộc trên đường Nguyễn C. A2 lấy ra 01 gói ma túy cần sa, lấy ra 01 ít để sử dụng cùng với P. Trong lúc ngồi uống cà phê, 01 thanh niên (Chưa rõ nhân thân lai lịch) gọi điện thoại cho P hỏi mua 03 gói cần sa với giá 300.000 đồng, P đồng ý và hẹn đến ngã tư đường Xô Viết Nghệ T - Nguyễn Thị Minh K để giao dịch. P nhờ A2 chở về nhà, P vào nhà lấy 06 gói cần sa và nhờ A2 chở đi bán ma túy. Khi A2 chở P đến địa điểm bán ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang thu giữ trên người P 06 gói cần sa, trên người A2 01 gói cần sa.

Tại Kết luận giám định số 1059/GĐMT-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất thảo mộc khô màu xanh đựng trong 06 gói nylon là ma túy, loại Cần sa, khối lượng 14,8361 gam. Chất thảo

mộc khô màu xanh đựng trong 01 gói nylon là ma túy, loại Cần sa, khối lượng 2,4814 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2021/HSST ngày 16-17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định: Tuyên bố 21 bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo Đào Bá P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm a, b, c, (thêm điểm e đối với bị cáo Kh, A1, Salem, T) khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 (thêm khoản 2 với Kh, Thái Phi Tr, Salem, L, Y Kanh, P1) Điều 51; (thêm điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Kh; thêm điểm h khoản 1 Điều 52 với D, H, Thế H1, Đình A, T1, T3) Bộ luật hình sự, xử phạt:

- + Nguyễn Đoàn Tú Kh 06 năm tù
- + Thái Phi Tr 05 năm 06 tháng tù.
- + Lê Long A 05 năm tù.
- + Salem Niê S 05 năm tù.
- + Đoàn Huy D 04 năm tù.
- + Lê Đình T 04 năm tù.
- + Trương Văn H 04 năm tù.
- + Huỳnh Đình A 04 năm tù.
- + Nguyễn Cao T1 04 năm tù.
- + Phan Thanh T3 04 năm tù.
- + Lê Võ Minh H3 03 năm 06 tháng tù.
- + Vũ Thanh M 03 năm 06 tháng tù.
- + Nguyễn Thành L 04 năm tù.
- + Y Kanh B 03 năm 06 tháng tù.
- + Trần Ngọc Thiên P1 02 năm 06 tháng tù.
- + Phạm Văn T2 03 năm 06 tháng tù.
- + Nguyễn Văn T4 03 năm 06 tháng tù.
- + Nguyễn Duy K 03 năm tù.
- + Trần Gia H2 03 năm tù.
- + Nguyễn Thế H1 02 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng các điểm a, b, c, Khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Đào Bá P 02 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng các Khoản 1 Điều 251, Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Đào Bá P 02 năm tù.

Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 30/12/2021 các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr, Lê Long A1, Salem Niê S, Đoàn Huy D, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Cao T1, Phan Thanh T3, Lê Võ Minh H3, Vũ Thanh M, Nguyễn Thành L, Y Kanh B, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy K, Trần Gia H2, Nguyễn Thế H1, Đào Bá P kháng cáo giảm hình phạt; Bị cáo Trần Ngọc Thiên P1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 18/02/2022 và ngày 21/02/2022 bị cáo Trần Gia H2, Nguyễn Văn T4 rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo Phan Thanh T3, Lê Long A1, Đoàn Huy D, Trương Văn H, Y Kanh B cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình (được UBND xã xác nhận), gia đình bị cáo Trương Văn H thuộc hộ nghèo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr, Lê Long A1, Salem Niê S, Đoàn Huy D, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Cao T1, Phan Thanh T3, Lê Võ Minh H3, Vũ Thanh M, Nguyễn Thành L, Y Kanh B, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Duy K, Trần Gia H2, Nguyễn Thế H1, Trần Ngọc Thiên P1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, bị cáo Đào Bá P về tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Mua bán trái phép chất ma túy” khoản 2 Điều 318 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Salem Niê S, tại Bản án số 202/2015/HSST ngày 30/6/2015 của TAND TP.Buôn Ma Thuột xác định bị cáo không “Tái phạm”; Đối với bị cáo Lê Đình T, tại Bản án số 27/2020/HSST ngày 12/11/2020 của TAND huyện Cư Kuin kết án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, tuy nhiên thời điểm bị cáo phạm tội mới thực hiện trước khi bị kết án. Do vậy, các bị cáo Salem Niê S và Lê Đình T không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự mà chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Long A1, là người nhận tin rủ bị cáo Đào Bá P (16 năm 05 tháng 14 ngày tuổi) tham gia đánh nhau nên cần áp dụng bổ sung tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đoàn Huy D, năm 2017 bị cáo bị kết án khi mới 14 năm 03 tháng 27 ngày tuổi nên không coi là có án tích và không tính để xác định tái phạm theo khoản 7 Điều 91 và điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Huỳnh Đình A, bị cáo đã chấp hành xong các bản án, đã được xóa án tích. Do vậy, các bị cáo Đoàn Huy D, Huỳnh Đình A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Đoàn Huy D, Salem Niê S tham gia với vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt của các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước. Các bị cáo khác đều có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự, nhiều lần bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, sử dụng trái phép chất ma túy, chống người thi hành công vụ... các bị cáo đã từng được lao động, cải tạo, rèn luyện, tu dưỡng nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm nay lại tiếp tục phạm tội. Mức hình phạt là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Huy D, Salem Niê S, Lê Long A1, Lê Đình T về phần căn cứ pháp luật, giảm hình phạt cho bị cáo D, Salem; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại. Áp dụng điểm a, b, c, (thêm điểm e đối với bị cáo Kh, Long A1) khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 (thêm khoản 2 với Kh, Thái Phi Tr, Salem, L, Y Khanh, P1) Điều 51; (thêm điểm o khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Kh, Long A1; thêm điểm h khoản 1 Điều 52 với T, H, Thế H1, T1, T3, Salem) Bộ luật hình sự, xử phạt:

- + Nguyễn Đoàn Tú Kh 06 năm tù
- + Thái Phi Tr 05 năm 06 tháng tù.
- + Lê Long A1 05 năm tù.
- + Salem Niê S 04 năm 06 tháng tù.
- + Đoàn Huy D 03 năm 06 tháng tù.
- + Lê Đình T 04 năm tù.
- + Trương Văn H 04 năm tù.
- + Huỳnh Đình A 04 năm tù.

- + Nguyễn Cao T1 04 năm tù.
- + Phan Thanh T3 04 năm tù.
- + Lê Võ Minh H3 03 năm 06 tháng tù.
- + Vũ Thanh M 03 năm 06 tháng tù.
- + Nguyễn Thành L 04 năm tù.
- + Y Khanh B 03 năm 06 tháng tù.
- + Trần Ngọc Thiên P1 02 năm 06 tháng tù.
- + Phạm Văn T2 03 năm 06 tháng tù.
- + Nguyễn Duy K 03 năm tù.
- + Nguyễn Thế H1 02 năm 09 tháng tù.
- + Đào Bá P 02 năm 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Trần Gia H2 và Nguyễn Văn T4 rút đơn kháng cáo nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Bá P trình bày bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 318 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Việt A2. Thời điểm phạm tội bị cáo mới 16 năm 5 tháng 14 ngày tuổi, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc thù, bố chết, mẹ bỏ đi khi bị cáo mới được 07 ngày tuổi, bị cáo sinh sống cùng các cô ruột. Xét thấy lần đầu bị cáo phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 28/6/2020, tại khu vực đường A, phường T, thành phố B, nhóm thứ nhất gồm có Nguyễn Đoàn Tú Kh, Lê Long A1, Đoàn Huy D, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Cao T1, Phan Thanh T3, Vũ Thanh M, Nguyễn Thành L, Y Kanh B, Trần Ngọc Thiên P1, Phạm Văn T2, Trần Gia H2, Nguyễn Thế H1, Đào Bá P, nhóm thứ hai gồm Thái Phi Tr, Nguyễn Duy K, Salem Niê S, Nguyễn Văn T4, Lê Võ Minh H3 dùng dao rựa, bom xăng đánh nhau gây ồn ào khu vực dân cư xung quanh, làm cản trở ách tắc giao thông, làm cho các phương tiện giao thông không qua được khu vực này và những người dân xung quanh không dám ra khỏi nhà, gây mất trật tự xã hội. Bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Kh, Long A1 đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/11/2020 tại ngã tư đường Xô Viết Nghệ T - Nguyễn Thị Minh K, thành phố B, bị cáo Trần Việt A2 đang chở Đào Bá P mang theo 06 gói ma túy loại Cần sa, khối lượng 14,8361 gam nhằm mục đích bán cho người khác thì bị bắt quả tang. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Đào Bá P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[2.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr: Các bị cáo là người cầm đầu hai nhóm, là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, chuẩn bị công cụ, phương tiện, phân công nhiệm vụ, đưa tiền mua vũ khí, hô hào và trực tiếp tham gia đánh nhau làm cản trở, ách tắc giao thông, gây mất trật tự xã hội. Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Kh có 04 tiền án về các tội cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng, bị cáo đã từng đi chấp hành án, được lao động, cải tạo tu dưỡng rèn luyện bản thân. Bị cáo Tr đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo không rút ra bài học kinh nghiệm nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Mức hình phạt 06 năm tù đối với bị cáo Kh và 05 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Thái Phi Tr là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[2.2] Đối với các bị cáo Lê Đình T, Nguyễn Thành L, Trần Ngọc Thiên P1,

Lê Võ Minh H3, Nguyễn Thế H1, Y Kanh B, Lê Long A1.

Đối với bị cáo Lê Đình T, tại Bản án số 27/2020/HSST ngày 12/11/2020 của TAND huyện Cư Kuin kết án bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuy nhiên thời điểm bị cáo phạm tội mới (ngày 28/6/2020) thực hiện trước thời điểm bị cáo bị kết án (ngày 12/11/2020) nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, mà chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bởi bị cáo chưa được xóa án tích đối với Bản án số 90/2015/HSST ngày 18/3/2015 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

Sau khi kháng cáo, bị cáo Y Kanh B cung cấp giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo Lê Đình T, Nguyễn Thành L, Trần Ngọc Thiên P1, Lê Võ Minh H3, Nguyễn Thế H1, Y Kanh B là đồng phạm, tham gia tích cực, chuẩn bị công cụ, phương tiện, vũ khí và tham gia đánh nhau. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần về các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cố ý gây thương tích. Các bị cáo đã từng đi chấp hành án, được lao động, cải tạo tu dưỡng rèn luyện bản thân nhưng không rút ra bài học kinh nghiệm nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Long A1 là người nhắn tin rủ bị cáo Đào Bá P (16 năm 05 tháng 14 ngày tuổi) tham gia đánh nhau nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót nên cần bổ sung. Sau khi kháng cáo, bị cáo Lê Long A1 cung cấp giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng bổ sung cho bị cáo. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Lê Long A1 luôn tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng để làm rõ những tình tiết của vụ án; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã ly hôn nên một mình phải nuôi con nhỏ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[2.3] Đối với các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Cao T1, Phạm Văn T2, Phan Thanh T3, Đào Bá P, Vũ Thanh M, Nguyễn Duy K, Salem Niê S, Đoàn Huy D.

Đối với bị cáo Salem Niê S, tại Bản án số 202/2015/HSST ngày 30/6/2015 của TAND TP.Buôn Ma Thuột kết án bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, xác định bị cáo không “Tái phạm” nên lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm e khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, mà chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Huỳnh Đình A, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/9/2016 và nộp án phí vào ngày 27/01/2016 tại bản án số 312/2015/HSST ngày 30/9/2015 của TAND TP.Buôn Ma Thuột, đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới (ngày 28/6/2020) bị cáo đã được xóa án tích nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Trương Văn H, Phan Thanh T3 cung cấp giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo H thuộc hộ nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng bổ sung cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Cao T1, Phạm Văn T2, Phan Thanh T3, Vũ Thanh M, Salem Niê S đều có nhân thân xấu, có tiền án, tiền sự, đã từng bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, đã từng đi chấp hành án, được lao động, cải tạo tu dưỡng rèn luyện bản thân nhưng không rút ra bài học kinh nghiệm nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Đào Bá P lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới “Mua bán trái phép chất ma túy”. Mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Đoàn Huy D, năm 2017 bị cáo bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” khi mới 14 năm 03 tháng 27 ngày tuổi nên không coi là có án tích và không tính để xác định tái phạm nguy hiểm theo khoản 7 Điều 91 và điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi kháng cáo, bị cáo cung cấp giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng bổ sung cho các bị cáo. Xét thấy, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, thứ yếu; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo luôn tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng để làm rõ những tình

tiết của vụ án; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[2.5] Đối với các bị cáo Trần Gia H2, Nguyễn Văn T4: Sau khi kháng cáo, các bị cáo rút đơn kháng cáo, việc rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Đình T, Huỳnh Đình A, Salem Niê S, sửa án sơ thẩm về căn cứ pháp luật; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Huy D, Lê Long A1, sửa án sơ thẩm về hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Cao T1, Nguyễn Thành L, Phạm Văn T2, Phan Thanh T3, Đào Bá P, Vũ Thanh M, Trần Ngọc Thiên P1, Y Kanh B, Nguyễn Duy K, Salem Niê S, Lê Võ Minh H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[3] Về án phí: Các bị cáo rút kháng cáo, được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Gia H2, Nguyễn Văn T4. Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2021/HSST ngày 16-17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Trần Gia H2, Nguyễn Văn T4 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 11/3/2022.

[2] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Cao T1, Nguyễn Thành L, Phạm Văn T2, Phan Thanh T3, Đào Bá P, Vũ Thanh M, Trần Ngọc Thiên P1, Y Kanh B, Nguyễn Duy K, Salem Niê S, Lê Võ Minh H3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2021/HSST ngày 16-17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Huy D, Lê Long A1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2021/HSST ngày 16-17/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự,

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn Tú Kh 06 (Sáu) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2020 đến ngày 24/4/2021.

2. Xử phạt bị cáo Lê Long A1 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với bị cáo Trương Văn H, Salem Niê S, Phan Thanh T3) Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự,

3. Xử phạt Salem Niê S 05 (Năm) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/7/2020 đến ngày 22/01/2021.

4. Xử phạt Trương Văn H 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28/7/2020 đến ngày 08/02/2021.

5. Xử phạt Nguyễn Cao T1 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 29/9/2020.

6. Xử phạt Phan Thanh T3 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021.

7. Xử phạt Lê Đình T 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/7/2020.

8. Xử phạt Nguyễn Thế H1 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

9. Xử phạt Thái Phi Tr 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2020 đến ngày 22/10/2021.

10. Xử phạt Nguyễn Thành L 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 21/7/2020 đến ngày 29/10/2021.

11. Xử phạt Y Khanh B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

12. Xử phạt Đoàn Huy D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/7/2020 đến ngày 08/02/2021.

13. Xử phạt Trần Ngọc Thiên P1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/11/2020.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

14. Xử phạt Huỳnh Đình A 04 (Bốn) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/7/2020.

15. Xử phạt Phạm Văn T2 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021.

16. Xử phạt Vũ Thanh M 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 24/4/2021.

17. Xử phạt Nguyễn Duy K 03 (Ba) năm tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28/7/2021 đến ngày 03/11/2021.

18. Xử phạt Lê Võ Minh H3 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tổng hợp mức hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 422/2020/HSST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18/9/2020.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự,

19. Xử phạt Đào Bá P 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 02 (Hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 11/10/2020 và từ ngày 18/11/2020 đến ngày 09/02/2021.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Nguyễn Đoàn Tú Kh, Thái Phi Tr, Lê Đình T, Trương Văn H, Huỳnh Đình A, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Cao T1, Nguyễn Thành L, Phạm Văn T2, Phan Thanh T3, Đào Bá P, Vũ Thanh M, Trần Ngọc Thiên P1, Y Khanh B, Nguyễn Duy K, Salem Niê S, Lê Võ Minh H3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đoàn Huy D, Lê Long A1, Trần Gia H2, Nguyễn Văn T4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSDT - CA T.Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP.Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP.Buôn Ma Thuột;
- Công an TP.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.Buôn Ma Thuột;
- CQTHAHS Công an TP.Buôn Ma Thuột;
- Các bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh Vân